



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu -  
Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thông tin về Tổng Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Doanh nghiệp số**

0300583659

ngày 29 tháng 2 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty (“GCNĐKDN”) đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300583659 ngày 12 tháng 9 năm 2025. GCNĐKDN và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Pramoad Phornprapha	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vỹ	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên
Bà Trần Kim Nga	Thành viên
Ông Lê Thanh Tuấn	Thành viên
Bà Ngô Minh Châu	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Tan Teck Chuan Lester	Tổng Giám đốc
Ông Koo Liang Kwee	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ng Kuan Ngee Melvyn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lee Chio Lim Larry	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lim Pei Chi Patsy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lâm Du An	Phó Tổng Giám đốc
	Giám đốc Nhà máy
	Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh

**Ủy ban Kiểm toán**

Ông Pramoad Phornprapha	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Vỹ	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên

**Người đại diện theo Pháp luật**

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Tan Teck Chuan Lester	Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh  
Phường Chợ Lớn  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 73 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Pan Teck Chuan Lester**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2026





### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00466-26-2



Triệu Tích Quyền  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4629-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2026

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>22.140.977.869.887</b>	<b>25.066.732.804.106</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>7</b>	<b>4.016.881.626.734</b>	<b>4.477.501.667.326</b>
Tiền	111		1.174.862.635.130	1.337.761.330.143
Các khoản tương đương tiền	112		2.842.018.991.604	3.139.740.337.183
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>14.985.488.933.982</b>	<b>16.566.239.177.101</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	123	8(a)	14.985.488.933.982	16.566.239.177.101
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>902.822.762.749</b>	<b>1.818.472.380.110</b>
Phải thu của khách hàng	131	9	697.568.047.845	433.141.431.799
Trả trước cho người bán	132		31.630.854.564	48.390.695.221
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	746.761.878.936	1.646.477.947.637
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11(a)	(573.138.018.596)	(309.537.694.547)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12(a)</b>	<b>2.027.351.808.101</b>	<b>1.978.543.927.286</b>
Hàng tồn kho	141		2.109.849.713.825	2.042.852.750.470
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(82.497.905.724)	(64.308.823.184)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>208.432.738.321</b>	<b>225.975.652.283</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	139.821.104.317	145.660.411.600
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		58.808.725.230	72.112.190.350
Thuế phải thu Nhà nước	153	21(b)	9.802.908.774	8.203.050.333

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>10.456.375.753.827</b>	<b>8.372.673.560.545</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>34.948.968.378</b>	<b>33.965.243.693</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		5.948.610.516	5.948.610.516
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	35.400.068.378	34.416.343.693
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	11(b)	(6.399.710.516)	(6.399.710.516)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.068.260.417.283</b>	<b>3.593.253.846.771</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	3.492.859.442.068	2.484.109.823.637
Nguyên giá	222		16.040.238.015.148	11.567.831.953.084
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.547.378.573.080)	(9.083.722.129.447)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	15	146.555.811.058	151.786.364.599
Nguyên giá	225		173.582.726.065	173.582.726.065
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(27.026.915.007)	(21.796.361.466)
Tài sản cố định vô hình	227	16	1.428.845.164.157	957.357.658.535
Nguyên giá	228		1.727.503.055.751	1.173.833.999.845
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(298.657.891.594)	(216.476.341.310)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>17</b>	<b>238.598.827.240</b>	<b>268.304.664.076</b>
Nguyên giá	231		281.827.017.963	311.715.130.165
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(43.228.190.723)	(43.410.466.089)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>141.443.319.021</b>	<b>122.014.021.082</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	18	141.443.319.021	122.014.021.082
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.194.794.500.210</b>	<b>3.672.561.077.153</b>
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	8(c)	2.220.382.986.537	2.304.838.560.802
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	8(c)	362.429.271.916	410.929.271.916
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	8(c)	(361.517.758.243)	(378.706.755.565)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	255	8(b)	1.973.500.000.000	1.335.500.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>778.329.721.695</b>	<b>682.574.707.770</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	552.322.849.125	455.034.726.932
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	19	191.956.412.715	198.506.939.397
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	12(b)	34.050.459.855	29.033.041.441
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>32.597.353.623.714</b>	<b>33.439.406.364.651</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>9.597.538.547.160</b>	<b>9.002.313.181.979</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.880.281.129.189</b>	<b>8.657.140.531.800</b>
Phải trả người bán	311	20	2.403.617.850.061	2.642.248.117.160
Người mua trả tiền trước	312		84.401.201.159	94.511.172.026
Thuế phải nộp Nhà nước	313	21(a)	1.625.985.939.644	1.320.861.485.986
Phải trả người lao động	314		130.882.843.048	128.685.159.625
Chi phí phải trả	315	22	580.271.765.033	515.857.469.477
Doanh thu chưa thực hiện	318		546.363.639	228.181.821
Phải trả ngắn hạn khác	319	23(a)	3.555.403.930.091	3.509.694.004.122
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24(a)	267.584.304.493	245.383.983.749
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		268.529.247	251.473.420
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	231.318.402.774	199.419.484.414
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>717.257.417.971</b>	<b>345.172.650.179</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		100.000.000	100.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	23(b)	77.161.458.669	57.113.360.289
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24(b)	167.935.888.117	169.444.430.406
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	406.364.400.134	49.208.021.314
Dự phòng phải trả dài hạn	342	26	65.695.671.051	69.306.838.170

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>22.999.815.076.554</b>	<b>24.437.093.182.672</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>27</b>	<b>22.999.815.076.554</b>	<b>24.437.093.182.672</b>
Vốn cổ phần	411	28	12.825.623.720.000	12.825.623.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.825.623.720.000	12.825.623.720.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.408.784.538	3.208.666.226
Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ	417		89.863.046.863	53.776.366.426
Quỹ đầu tư phát triển	418	29	1.186.744.293.943	1.181.709.861.073
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.047.144.144.801	9.217.801.321.446
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.792.178.669.406	5.021.305.707.207
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		4.254.965.475.395	4.196.495.614.239
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.847.031.086.409	1.154.973.247.501
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>32.597.353.623.714</b>	<b>33.439.406.364.651</b>

Ngày 26 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Hoàng Thanh Vân  
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyên Trung  
Kế toán trưởng



Koo Liang Kwee  
Phó Tổng Giám đốc



Tan Teck Chuan Lester  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 ngày 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>32</b>	<b>26.249.006.889.260</b>	<b>32.164.260.254.074</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>32</b>	<b>360.814.661.139</b>	<b>291.842.767.418</b>
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>32</b>	<b>25.888.192.228.121</b>	<b>31.872.417.486.656</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>33</b>	<b>16.587.631.403.329</b>	<b>22.554.220.918.390</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>9.300.560.824.792</b>	<b>9.318.196.568.266</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	1.006.647.475.128	1.067.078.171.491
Chi phí tài chính	22	35	26.256.910.484	24.787.963.014
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>34.346.202.652</i>	<i>27.449.548.631</i>
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	8(c)	278.263.788.631	197.444.756.654
Chi phí bán hàng	25	36	4.022.369.468.136	4.041.556.507.837
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	983.559.292.855	839.413.837.596
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>{30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>5.553.286.417.076</b>	<b>5.676.961.187.964</b>
Thu nhập khác	31	38	152.603.358.028	28.313.181.138
Chi phí khác	32		53.923.986.677	57.915.740.936
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>98.679.371.351</b>	<b>(29.602.559.798)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>5.651.965.788.427</b>	<b>5.647.358.628.166</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>40</b>	<b>1.057.138.336.597</b>	<b>1.146.257.135.410</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>40</b>	<b>21.702.374.772</b>	<b>6.328.065.844</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>4.573.125.077.058</b>	<b>4.494.773.426.912</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 ngày 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b> (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	<b>60</b>		<b>4.573.125.077.058</b>	<b>4.494.773.426.912</b>
<b>Trong đó:</b>				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		4.423.539.822.535	4.330.113.031.371
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		149.585.254.523	164.660.395.541
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				<b>(Điều chỉnh lại)</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	41	3.347	3.281

Ngày 26 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Hoàng Thanh Văn  
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyên Trung  
Kế toán trưởng



Koo Liang Kwee  
Phó Tổng Giám đốc



Phan Teck Chuan Lester  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2025 VND	2024 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>5.651.965.788.427</b>	<b>5.647.358.628.166</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	730.272.467.434	548.883.626.755
Các khoản dự phòng	03	42.467.171.670	4.315.069.033
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	24.313.952	580.733.992
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(995.611.334.400)	(1.051.086.619.731)
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	05	(278.263.788.631)	(197.444.756.654)
Chi phí lãi vay	06	34.346.202.652	27.449.548.631
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>5.185.200.821.104</b>	<b>4.980.056.230.192</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(97.764.466.551)	13.722.096.167
Biến động hàng tồn kho	10	214.516.593.874	345.459.551.432
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(133.251.675.339)	208.910.758.673
Biến động chi phí trả trước	12	(26.981.107.792)	123.176.401.221
		<b>5.141.720.165.296</b>	<b>5.671.325.037.685</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(35.215.822.400)	(27.622.609.286)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.068.123.691.603)	(1.156.741.713.349)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(139.496.088.169)	(124.451.146.510)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>3.898.884.563.124</b>	<b>4.362.509.568.540</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2025 VND	2024 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(241.543.771.108)	(296.018.278.038)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.300.196.730	3.524.838.452
Tiền chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(16.845.775.360.290)	(20.386.135.177.101)
Tiền thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	17.920.925.939.320	20.264.668.417.665
Tiền chi đầu tư vào đơn vị khác	25	-	(836.953.680.351)
Tiền chi mua lại lợi ích cổ đông không kiểm soát trong công ty con	25	(15.691.824.020)	(117.325.418.355)
Mua lại công ty con, tiền thuần thu được	25	146.777.742.691	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và phân phối lợi nhuận	27	1.462.273.968.328	1.387.123.683.050
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>2.428.266.891.651</b>	<b>18.884.385.322</b>

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền thu từ đi vay	33	2.791.552.690.044	2.934.074.426.368
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.066.634.329.851)	(3.218.974.426.368)
Tiền chi trả cổ tức	36	(6.512.668.096.116)	(4.658.550.227.964)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(6.787.749.735.923)</b>	<b>(4.943.450.227.964)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(460.598.281.148)</b>	<b>(562.056.274.102)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4.477.501.667.326</b>	<b>5.039.908.030.600</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>(21.759.444)</b>	<b>(350.089.172)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4.016.881.626.734</b>	<b>4.477.501.667.326</b>

Ngày 26 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Hoàng Thanh Vân  
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyên Trung  
Kế toán trưởng



Koo Liang Kwee  
Phó Tổng Giám đốc



Tan Teck Chuan Lester  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị bao gồm Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước Giải Khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “SAB” theo Quyết định Niêm yết số 470/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 11 năm 2016.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

### **(b) Các hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm vật liệu và bao bì; cung cấp dịch vụ kho bãi, hậu cần và vận tải; sản xuất sản phẩm cơ khí, xây dựng kết cấu thép, và cung cấp dịch vụ cơ khí lắp đặt; và xây dựng và cung cấp dịch vụ bất động sản.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có 30 công ty con và 18 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (1/1/2025: 26 công ty con và 17 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát), chi tiết như sau:

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

STT Tên công ty	Hoạt động chính	31/12/2025		1/1/2025	
		% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
<b>I Công ty con</b>					
1 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	Sản xuất và kinh doanh bia	86,32%	86,32%	84,46%	84,46%
2 Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	Sản xuất và kinh doanh nước giải khát, đồ hộp và phụ liệu	62,06%	62,06%	62,06%	62,06%
3 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	Sản xuất và kinh doanh bia	68,25%	69,15%	66,56%	66,56%
4 Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Sản xuất và kinh doanh rượu	93,32%	93,47%	93,32%	93,47%
5 Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát có ga	55,90%	56,24%	55,90%	56,24%
6 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	54,73%	54,73%	54,73%	54,73%
7 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát;	68,78%	68,78%	68,78%	68,78%
8 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát;	55,36%	57,11%	52,11%	52,11%
9 Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100%	100%	100%	100%
10 Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và cho thuê kho bãi	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
11 Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và cho thuê kho bãi	95,07%	95,07%	95,07%	95,07%
12 Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm	Bán buôn bia, đồ uống có cồn; bán buôn đồ uống không có cồn; bán buôn hóa chất khác, cồn; mua bán bao bì; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng ô tô	94,47%	94,47%	94,47%	94,47%
13 Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng ô tô	91,24%	91,24%	91,24%	91,24%
14 Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
15 Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển	90,14%	90,14%	90,14%	90,14%

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	31/12/2025		1/1/2025	
			% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
16	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy	90,68%	90,68%	90,68%	90,68%
17	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
18	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ và đường thủy	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
19	Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	Chế tạo máy móc dùng cho sản xuất thực phẩm; lắp đặt và bảo trì hệ thống máy móc thiết bị	100%	100%	100%	100%
20	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng (*)	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng và nước tinh khiết đóng chai	86,32%	100%	84,46%	100%
21	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa	90,45%	90,45%	90,45%	90,45%
22	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	100%	100%	100%	100%
23	Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	Sản xuất và kinh doanh nắp khoén thiếc và bao bì kim loại, bao bì phục vụ ngành đồ uống thực phẩm	76,81%	76,81%	76,81%	76,81%
24	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn	Bán buôn bia, rượu và nước giải khát	100%	100%	100%	100%
25	Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	Bán buôn bia, rượu và nước giải khát	100%	100%	100%	100%
26	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	52,91%	52,91%	52,91%	52,91%
27	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	Sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm, đồ uống, bia và đồ uống có cồn	65,00%	65,38%	21,80%	22,18%
28	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây (*)	Kinh doanh đồ uống và dịch vụ nhà hàng	65,00%	100%	-	-
29	Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận (*)	Sản xuất và kinh doanh bia	65,00%	100%	-	-
30	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Phú Lý (*)	Sản xuất và kinh doanh bia	65,00%	100%	-	-

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	31/12/2025		1/1/2025	
			% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
<b>II Công ty liên kết</b>						
1	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư - Thiết kế và Chuyển giao Công nghệ Thành Nam (*)	Tư vấn xây dựng và thiết kế	28,57%	28,57%	28,57%	28,57%
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn (*)	Sản xuất chai lọ kim loại, lon và in ấn bao bì	20,89%	27,42%	-	-
3	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	30,84%	33,85%	30,84%	33,85%
4	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (*)	Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm máy móc cầu đường và xây dựng công nghiệp	26,00%	26,00%	26,00%	26,00%
5	Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô (*)	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát, sữa đậu nành và nước ép trái cây	30,96%	34,92%	30,79%	34,92%
6	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế	32,40%	32,41%	32,40%	32,41%
7	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	29,00%	29,00%	29,00%	29,00%
8	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (*)	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	17,26%	20,00%	16,89%	20,00%
9	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
10	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
11	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế	26,00%	26,00%	26,00%	26,00%
12	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
13	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh (*)	Sản xuất và kinh doanh bia	13,13%	20,20%	-	-
14	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	Sản xuất, gia công và kinh doanh thực phẩm, nước giải khát, bia và đồ uống có cồn	-	-	21,80%	22,18%
<b>III Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</b>						
15	Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh (**)	Cho thuê và quản lý cao ốc văn phòng	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%
16	Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn (***)	Sản xuất lon nhôm	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%
17	Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	Sản xuất các sản phẩm thủy tinh	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%
18	Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì bằng kim loại	35,00%	35,00%	35,00%	35,00%
19	Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh rượu và các sản phẩm nước uống có cồn	45,00%	45,00%	45,00%	45,00%



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tỷ lệ quyền sở hữu thể hiện cả tỷ lệ quyền sở hữu trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn trong các công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tất cả các công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được thành lập tại Việt Nam.

- (\*) Công ty con và các công ty liên kết sở hữu gián tiếp.
- (\*\*) Quyền sở hữu của Tập đoàn trong liên doanh với Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh được quy định tại Hợp đồng Liên doanh ngày 24 tháng 11 năm 1994 giữa Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương (“Chương Dương”), một công ty con của Tổng Công ty, và bên đối tác là Centrepont Properties Ltd., một công ty được thành lập tại Singapore. Tại thời điểm cổ phần hóa Chương Dương vào năm 2014, quyền sở hữu của Hợp đồng Liên doanh này được chuyển giao từ Chương Dương sang Tổng Công ty theo phê duyệt của Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Theo quy định tại Hợp đồng Liên doanh, lợi nhuận được phân chia cho các bên theo lịch biểu quy định trong hợp đồng này. Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, tỷ lệ lợi ích chia cho Tập đoàn và bên đối tác lần lượt là 40% và 60% (2024: 40% và 60%).
- (\*\*\*) Quyền sở hữu của Tập đoàn trong liên doanh với Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn được quy định tại Hợp đồng Liên doanh ngày 18 tháng 12 năm 2021 giữa Tổng Công ty và bên đối tác là Crown Asia Pacific Holdings Pte. Ltd., một công ty được thành lập tại Singapore. Theo quy định tại Hợp đồng Liên doanh, lợi nhuận được phân chia cho các bên theo lịch biểu quy định trong hợp đồng này. Vào ngày 19 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn và bên đối tác đồng ý phụ lục Hợp đồng Liên doanh, trong đó tỷ lệ cổ tức phân phối từ năm 2024 đến năm 2027 sẽ được xác định theo Nghị quyết của Hội đồng Thành viên Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có 7.736 nhân viên (1/1/2025: 7.829 nhân viên).

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## **3. Những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

### **(a) Cơ sở hợp nhất**

#### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động.

Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

**(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Quy đổi báo cáo tài chính của công ty liên kết từ đơn vị tiền tệ kế toán sang đơn vị tiền tệ báo cáo**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả của công ty liên kết có đơn vị tiền tệ kế toán khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của công ty liên kết được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do quy đổi báo cáo tài chính bằng đơn vị tiền tệ khác VND của công ty liên kết được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

**(ii) Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 45 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 30 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 15 năm
▪ tài sản khác	2 – 20 năm

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất từ 13 đến 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy tính**

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(iii) Giấy phép môi trường**

Giấy phép môi trường được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của một giấy phép môi trường bao gồm các chi phí cần thiết liên quan trực tiếp để có được giấy phép. Giấy phép môi trường được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hiệu lực của giấy phép từ 7 đến 10 năm.

**(i) Bất động sản đầu tư**

**(i) Bất động sản đầu tư đầu tư cho thuê**

*Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

*Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 16 – 47 năm
- nhà cửa, vật kiến trúc 5 – 45 năm

**(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 32 đến 48 năm.

**(ii) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(n) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iv) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(v) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(q) Thuê**

**(i) Tài sản thuê**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được thuyết minh trong phần Chính sách kế toán 3(g).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(r) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi đã trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**(v) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **4. Báo cáo bộ phận**

##### **(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Bộ phận kinh doanh của Tập đoàn được chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bán bia;
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động kinh doanh khác bao gồm bán cồn và rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan; và cung cấp dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác.

Trong năm, các hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày báo cáo chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh bia. Theo đó, thông tin tài chính được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh bia của Tập đoàn. Thuyết minh 32 và Thuyết minh 33 trình bày chi tiết doanh thu và giá vốn của từng loại sản phẩm, vì vậy đã cung cấp đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động của mỗi bộ phận kinh doanh như được phân loại ở trên.

##### **(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý**

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Tập đoàn và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn trong lãnh thổ Việt Nam.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## 5. Hợp nhất kinh doanh

Vào ngày 3 tháng 1 năm 2025, Tập đoàn đã mua thêm 37.814.900 cổ phần của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây (“Sabibeco”), tăng quyền sở hữu của Tập đoàn trong Sabibeco từ 21,80% lên 65,00% và qua đó chuyển Sabibeco từ một công ty liên kết thành một công ty con. Tổng giá trị khoản thanh toán cho giao dịch này là 842.957 triệu VND. Hoạt động kinh doanh chính của Sabibeco là sản xuất và kinh doanh bia.

Việc hợp nhất kinh doanh có tác động sau đây đến tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua:

	<b>Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua VND</b>	<b>Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND</b>	<b>Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	146.777.742.691	-	146.777.742.691
Các khoản đầu tư ngắn hạn	132.400.335.911	-	132.400.335.911
Phải thu khách hàng, thuần	153.017.755.547	-	153.017.755.547
Hàng tồn kho	290.652.395.286	(24.127.603.117)	266.524.792.169
Tài sản ngắn hạn khác	16.304.264.799	-	16.304.264.799
Tài sản cố định hữu hình, thuần	1.022.723.676.468	459.113.816.597	1.481.837.493.065
Tài sản cố định vô hình, thuần	64.690.107.849	425.708.001.228	490.398.109.077
Tài sản dài hạn khác	280.591.682.978	257.781.781.898	538.373.464.876
Thuế phải nộp Nhà nước	(401.544.529.643)	-	(401.544.529.643)
Vay ngắn hạn	(297.157.402.011)	-	(297.157.402.011)
Nợ ngắn hạn khác	(152.521.256.967)	-	(152.521.256.967)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(122.372.050.289)	(223.695.199.321)	(346.067.249.610)
<b>Giá trị thuần của các tài sản được mua và nợ phải trả gánh chịu có thể xác định được</b>	<b>1.133.562.722.619</b>	<b>894.780.797.285</b>	<b>2.028.343.519.904</b>
<b>Giá trị thuần của các tài sản được mua và nợ phải trả gánh chịu có thể xác định được chia sẻ cho Tập đoàn</b>			<b>1.318.424.705.572</b>
Giá trị hợp lý của phần vốn chủ sở hữu đã nắm giữ trước ngày mua			(338.516.918.800)
▪ Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào một công ty liên kết (Thuyết minh 8(c)(i))			(345.174.627.629)
▪ Lỗi từ việc đánh giá lại theo giá trị hợp lý (Thuyết minh 35)			6.657.708.829
Lãi từ giao dịch mua rẻ phát sinh từ việc mua lại Sabibeco (Thuyết minh 38)			(136.951.010.278)
<b>Khoản thanh toán cho việc mua lại (*)</b>			<b>(842.956.776.494)</b>
<b>Khoản tiền thuần thu được</b>			<b>146.777.742.691</b>
<b>Khoản tiền thanh toán thuần</b>			<b>(696.179.033.803)</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Khoản thanh toán này bao gồm khoản tiền tạm ứng thanh toán được gửi tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap với giá trị là 832.427 triệu VND tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 (Thuyết minh 10(a)) cộng các chi phí giao dịch.

Khoản chênh lệch giữa giá trị thuần của tài sản được mua và nợ phải trả gánh chịu có thể xác định được cao hơn chi phí mua là 136.951 triệu VND được ghi nhận vào tài khoản “Thu nhập khác” (Thuyết minh 38).

## **6. Giao dịch với cổ đông không kiểm soát**

Vào ngày 23 tháng 4 năm 2025, Tổng Công ty đã mua thêm 270.500 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Miền Tây”), một công ty con của Tổng Công ty, từ các cổ đông hiện hữu khác. Sau giao dịch này, quyền sở hữu của Tổng Công ty trong Miền Tây đã tăng từ 84,46% lên 86,32%.

Vào ngày 28 tháng 10 năm 2024 và 7 tháng 11 năm 2024, Công ty đã mua thêm lần lượt 1.799.700 cổ phiếu và 217.100 cổ phiếu của Miền Tây từ các cổ đông hiện hữu khác. Sau các giao dịch này, quyền sở hữu của Tổng Công ty trong Miền Tây đã tăng từ 70,55% lên 84,46%.

Các giao dịch với cổ đông không kiểm soát có ảnh hưởng như sau:

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
Giá trị ghi sổ tương ứng của tài sản thuần được mua	13.948.171.958	108.373.130.998
Khoản thanh toán cho việc mua lại	(15.691.824.020)	(117.325.418.355)
Chênh lệch ghi nhận trong vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 27)	<u>(1.743.652.062)</u>	<u>(8.952.287.357)</u>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.525.224.849	1.207.638.857
Tiền gửi ngân hàng	1.173.337.410.281	1.336.553.691.286
Các khoản tương đương tiền	2.842.018.991.604	3.139.740.337.183
	4.016.881.626.734	4.477.501.667.326

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,75% đến 4,80% một năm (1/1/2025: từ 4,60% đến 4,80% một năm).

**8. Các khoản đầu tư**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,20% đến 7,20% một năm (1/1/2025: từ 4,00% đến 5,80% một năm).

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 6,70% đến 7,80% một năm (1/1/2025: từ 5,30% đến 5,90% một năm).

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

	31/12/2025			1/1/2025		
	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu/ Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu/ Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (i)	2.220.382.986.537	(70.829.555.721)	2.149.553.430.816	2.304.838.560.802	(70.829.555.721)	2.234.009.005.081
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (ii)	362.429.271.916	(290.688.202.522)	71.741.069.394	410.929.271.916	(307.877.199.844)	103.052.072.072
	<b>2.582.812.258.453</b>	<b>(361.517.758.243)</b>	<b>2.221.294.500.210</b>	<b>2.715.767.832.718</b>	<b>(378.706.755.565)</b>	<b>2.337.061.077.153</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết**

Tên công ty	31/12/2025			1/1/2025		
	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào các công ty liên kết</b>						
▪ Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư - Thiết kế và Chuyển giao Công nghệ Thành Nam	329.653.546	(*)	-	329.653.546	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	350.548.680.000	(*)	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	62.593.866.289	46.070.196.000	-	64.591.723.954	41.975.224.200	-
▪ Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	10.988.466.468	(*)	-	6.863.792.917	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	96.455.365.989	(*)	-	95.654.536.078	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	203.125.146.013	385.459.605.550	-	193.847.703.264	415.928.809.000	-
▪ Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	70.829.555.721	(*)	(70.829.555.721)	70.829.555.721	(*)	(70.829.555.721)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	35.578.652.894	17.129.112.000	-	36.621.395.335	15.834.218.400	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	43.327.664.674	(*)	-	46.078.173.106	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	-	(*)	-	-	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	48.545.588.876	(*)	-	48.383.739.373	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	26.791.450.563	(*)	-	27.296.370.024	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh	42.209.112.689	(*)	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	-	-	-	345.174.627.629	345.149.557.133	-
<b>Đầu tư vào các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</b>						
▪ Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh	125.517.645.813	(*)	-	116.330.114.039	(*)	-
▪ Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	640.064.120.552	(*)	-	827.689.104.234	(*)	-
▪ Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	378.792.087.587	(*)	-	344.609.214.183	(*)	-
▪ Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	71.280.324.913	(*)	-	64.476.696.449	(*)	-
▪ Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	13.405.603.950	(*)	-	16.062.160.950	(*)	-
	<b>2.220.382.986.537</b>	<b>(70.829.555.721)</b>		<b>2.304.838.560.802</b>	<b>(70.829.555.721)</b>	

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	2.304.838.560.802	2.230.183.930.616
Phân loại lại sang khoản đầu tư vào công ty con liên quan đến việc mua lại Sabibeco (Thuyết minh 5)	(345.174.627.629)	-
Ghi nhận các công ty liên kết mới liên quan đến việc mua lại Sabibeco	358.574.206.255	-
Lợi nhuận được chia trong năm	278.263.788.631	197.444.756.654
Thu nhập từ cổ tức trong năm	(412.205.621.959)	(127.734.334.210)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ	36.086.680.437	9.822.165.127
Thanh lý trong năm	-	(4.877.957.385)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.220.382.986.537</b>	<b>2.304.838.560.802</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Tên công ty	31/12/2025			1/1/2025		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (**)	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	-	-	-	50.000.000.000	(*)	(3.152.549.322)
▪ Công ty Cổ phần PVI	51.475.140.000	45.152.802.000	(6.322.338.000)	51.475.140.000	29.616.354.000	(21.858.786.000)
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	30.700.950.000	7.486.710.000	(30.700.950.000)	30.700.950.000	7.538.160.000	(30.700.950.000)
▪ Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)
▪ Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	26.588.267.394	(*)	-	26.588.267.394	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang	1.161.147.000	(*)	(1.161.147.000)	1.161.147.000	(*)	(1.161.147.000)
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)
▪ Công ty TNHH Đầu tư Sabeco HP	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Đồng Nai	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Đồng Hà	5.600.000.000	(*)	(5.600.000.000)	5.600.000.000	(*)	(5.600.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Kinh doanh Thực phẩm Trường Sa	1.500.000.000	(*)	(1.500.000.000)	-	-	-
	<b>362.429.271.916</b>		<b>(290.688.202.522)</b>	<b>410.929.271.916</b>		<b>(307.877.199.844)</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác trong năm như sau:

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	410.929.271.916	410.929.271.916
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	1.500.000.000	-
Phân loại lại khoản đầu tư vào công ty liên kết liên quan đến việc mua lại Sabibeco	(50.000.000.000)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>362.429.271.916</b>	<b>410.929.271.916</b>

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 được xác định bằng cách tham khảo giá niêm yết cổ phiếu.

- (\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (\*\*) Vào ngày 17 tháng 1 năm 2025, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (“DongA Bank”) đã được chuyển giao bắt buộc cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HDBank”).

**(iii) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn**

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	378.706.755.565	416.325.836.029
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	1.500.000.000	-
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(18.688.997.322)	(14.234.080.464)
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(23.385.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>361.517.758.243</b>	<b>378.706.755.565</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	77.494.204.967	30.531.025.834
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	75.016.255.509	74.840.176.095
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	50.464.632.166	64.259.344.007
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	35.080.237.307	37.725.257.020
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	19.990.647.755	19.990.647.755
Các khách hàng khác	439.522.070.141	205.794.981.088
	<hr/>	<hr/>
	697.568.047.845	433.141.431.799
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	75.016.255.509	74.840.176.095
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	50.464.632.166	64.259.344.007
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	19.990.647.755	19.990.647.755
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	4.231.606.703	1.098.199.869
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	2.511.264.515	10.021.498.680
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	1.370.134.354	1.538.904.862
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	792.342.303	7.935.108.324
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	724.502.151	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	29.043.626	1.057.675.781
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh	312.610	2.745.850
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	77.494.204.967	30.531.025.834
Công Ty TNHH Việt Nam Logistics and Supply Chain	612.034.344	-
Công ty TNHH S.A.S. CTAMAD	20.649.917	28.175.127
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu lãi từ tiền gửi	379.240.119.438	362.174.835.584
Phải thu do chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư và phần vốn góp trong công ty liên kết	277.230.733.543	277.230.733.543
Phải thu về cổ tức và phân phối lợi nhuận	62.338.686.899	131.734.062.246
Tạm ứng cho việc mua cổ phiếu của Sabibeco (*)	-	832.426.956.680
Phải thu khác	27.952.339.056	42.911.359.584
	746.761.878.936	1.646.477.947.637

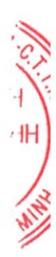
(\*) Khoản phải thu này phản ánh khoản tiền tạm ứng thanh toán được gửi tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, theo quy định của Luật Chứng khoán, cho việc mua cổ phiếu của Sabibeco (Thuyết minh 5).

***Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan***

	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i></b>		
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	277.230.733.543	277.230.733.543
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh	45.569.436.899	44.242.171.746
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	8.789.550.000	8.789.550.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	7.675.000.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	316.849.526	14.502.340.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	160.458.091	106.143.272
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	133.800.000	-
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	-	64.200.000.000

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	35.400.068.378	34.416.343.693



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Dự phòng phải thu khó đòi**

**(a) Ngắn hạn**

	31/12/2025			1/1/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu của khách hàng	292.692.537.588	(282.250.607.865)	10.441.929.723	29.390.503.024	(18.948.573.301)	10.441.929.723
Trả trước cho người bán	6.160.777.105	(6.160.777.105)	-	6.160.777.105	(6.160.777.105)	-
Phải thu ngắn hạn khác	284.726.633.626	(284.726.633.626)	-	284.428.344.141	(284.428.344.141)	-
	583.579.948.319	(573.138.018.596)	10.441.929.723	319.979.624.270	(309.537.694.547)	10.441.929.723

**(b) Dài hạn**

	31/12/2025			1/1/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu dài hạn của khách hàng	5.948.610.516	(5.948.610.516)	-	5.948.610.516	(5.948.610.516)	-
Phải thu dài hạn khác	451.100.000	(451.100.000)	-	451.100.000	(451.100.000)	-
	6.399.710.516	(6.399.710.516)	-	6.399.710.516	(6.399.710.516)	-

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn và dài hạn trong năm như sau:

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	315.937.405.063	302.204.111.102
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	247.168.959.595	-
Dự phòng trích lập trong năm	16.589.584.648	14.553.948.402
Dự phòng hoàn nhập trong năm	-	(820.654.441)
Dự phòng sử dụng trong năm	(158.220.194)	-
	579.537.729.112	315.937.405.063
Số dư cuối năm	579.537.729.112	315.937.405.063

## 12. Hàng tồn kho

### (a) Hàng tồn kho

	<b>31/12/2025</b>		<b>1/1/2025</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang				
đi trên đường	79.024.341.958	-	79.171.800.633	-
Nguyên vật liệu	877.475.904.724	(11.660.973.208)	831.430.914.145	(17.343.164.728)
Công cụ và dụng cụ	236.144.088.895	(60.937.239.680)	216.766.319.002	(42.295.803.077)
Chi phí sản xuất				
kinh doanh dở dang	236.672.682.644	-	236.337.521.882	-
Thành phẩm	672.101.718.157	(9.899.692.836)	675.223.359.351	(4.669.855.379)
Hàng hóa	8.430.977.447	-	3.922.835.457	-
	2.109.849.713.825	(82.497.905.724)	2.042.852.750.470	(64.308.823.184)
	2.109.849.713.825	(82.497.905.724)	2.042.852.750.470	(64.308.823.184)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có 82.498 triệu VND (1/1/2025: 64.309 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời, hoặc chậm luân chuyển.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	64.308.823.184	75.579.711.555
Dự phòng trích lập trong năm	52.244.786.883	9.883.021.990
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(30.446.715.258)	(16.496.265.009)
Dự phòng sử dụng trong năm	(3.170.555.744)	(4.619.441.131)
Chuyển sang dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	(438.433.341)	(38.204.221)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	82.497.905.724	64.308.823.184
	<hr/>	<hr/>

**(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	<b>31/12/2025</b>		<b>1/1/2025</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	116.368.967.102	(82.318.507.247)	90.437.563.662	(61.404.522.221)
	<hr/>		<hr/>	

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	61.404.522.221	58.989.826.260
Dự phòng trích lập trong năm	26.893.375.913	9.663.778.939
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(6.417.824.228)	(6.889.089.802)
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(398.197.397)
Chuyển từ dự phòng giảm giá hàng tồn kho	438.433.341	38.204.221
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	82.318.507.247	61.404.522.221
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí bảng hiệu quảng cáo	108.182.422.391	108.092.273.038
Chi phí thuê	10.193.543.882	9.990.854.572
Công cụ và dụng cụ	6.370.678.738	17.697.706.802
Chi phí trả trước khác	15.074.459.306	9.879.577.188
	<hr/>	<hr/>
	139.821.104.317	145.660.411.600
	<hr/>	<hr/>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí đất trả trước	367.843.227.141	221.644.660.044
Bao bì luân chuyển	54.515.827.387	115.437.223.464
Quyền sử dụng đất chờ bàn giao (*)	51.602.316.000	51.602.316.000
Công cụ và dụng cụ	36.945.876.739	34.914.548.519
Chi phí trả trước khác	41.415.601.858	31.435.978.905
	<hr/>	<hr/>
	552.322.849.125	455.034.726.932
	<hr/>	<hr/>

(\*) Giá trị quyền sử dụng đất chờ bàn giao phản ánh tiền thuế đất phải trả cho Nhà nước (Thuyết minh 23(b)).

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	455.034.726.932	550.304.398.466
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	52.956.761.638	-
Tăng trong năm	178.585.570.646	52.320.422.946
Phân bổ trong năm	(145.253.401.817)	(149.852.863.712)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	11.560.213.516	16.200.420.482
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	17.970.342
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(561.021.790)	(325.595.273)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(13.630.026.319)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	552.322.849.125	455.034.726.932
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	2.236.555.617.582	8.911.158.863.466	225.076.544.655	185.068.145.740	9.972.781.641	11.567.831.953.084
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	988.013.491.574	3.255.495.264.906	62.588.270.566	3.931.730.437	3.301.247.598	4.313.330.005.081
Tăng trong năm	1.386.307.505	47.758.850.463	5.398.231.669	3.177.230.820	-	57.720.620.457
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	86.342.413.817	42.282.382.772	1.871.193.704	3.219.935.518	3.724.941.349	137.440.867.160
Phân loại lại	(270.000.000)	(62.530.800)	332.530.800	-	-	-
Thanh lý	(6.966.866.158)	(10.662.073.869)	(16.029.982.654)	(2.426.507.953)	-	(36.085.430.634)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.305.060.964.320</b>	<b>12.245.970.756.938</b>	<b>279.236.788.740</b>	<b>192.970.534.562</b>	<b>16.998.970.588</b>	<b>16.040.238.015.148</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	1.457.334.121.441	7.242.056.816.796	208.539.971.629	166.557.797.338	9.233.422.243	9.083.722.129.447
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	485.678.997.063	2.300.667.949.588	39.104.787.974	3.773.977.695	2.266.799.696	2.831.492.512.016
Khấu hao trong năm	132.079.526.625	516.733.572.820	8.973.260.798	8.828.294.163	283.264.097	666.897.918.503
Phân loại lại	(13.576.924)	(318.953.876)	332.530.800	-	-	-
Thanh lý	(6.926.076.917)	(10.272.208.747)	(15.114.267.524)	(2.421.433.698)	-	(34.733.986.886)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.068.152.991.288</b>	<b>10.048.867.176.581</b>	<b>241.836.283.677</b>	<b>176.738.635.498</b>	<b>11.783.486.036</b>	<b>12.547.378.573.080</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	779.221.496.141	1.669.102.046.670	16.536.573.026	18.510.348.402	739.359.398	2.484.109.823.637
Số dư cuối năm	1.236.907.973.032	2.197.103.580.357	37.400.505.063	16.231.899.064	5.215.484.552	3.492.859.442.068

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá là 6.327.704 triệu VND (1/1/2025: 4.250.470 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 138.870 triệu VND (1/1/2025: 134.567 triệu VND).

**15. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	173.582.726.065
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	21.796.361.466
Khấu hao trong năm	5.230.553.541
Số dư cuối năm	27.026.915.007
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	151.786.364.599
Số dư cuối năm	146.555.811.058

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất (*) VND</b>	<b>Phần mềm máy tính VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	1.037.993.667.580	135.736.332.265	104.000.000	1.173.833.999.845
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	484.013.169.543	2.803.963.351	27.964.955.711	514.782.088.605
Tăng trong năm	-	1.967.677.219	1.463.693.519	3.431.370.738
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	8.171.857.819	-	8.171.857.819
Chuyển từ bất động sản đầu tư	27.812.438.744	-	-	27.812.438.744
Xóa sổ	-	(528.700.000)	-	(528.700.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.549.819.275.867</b>	<b>148.151.130.654</b>	<b>29.532.649.230</b>	<b>1.727.503.055.751</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	117.817.617.735	98.554.723.575	104.000.000	216.476.341.310
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	22.424.604.528	1.959.375.000	-	24.383.979.528
Khấu hao trong năm	23.407.593.980	20.574.594.743	3.413.296.663	47.395.485.386
Chuyển từ bất động sản đầu tư	10.930.785.370	-	-	10.930.785.370
Xóa sổ	-	(528.700.000)	-	(528.700.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>174.580.601.613</b>	<b>120.559.993.318</b>	<b>3.517.296.663</b>	<b>298.657.891.594</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	920.176.049.845	37.181.608.690	-	957.357.658.535
Số dư cuối năm	1.375.238.674.254	27.591.137.336	26.015.352.567	1.428.845.164.157

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá là 82.929 triệu VND (1/1/2025: 78.390 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình không còn sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 304 triệu VND (1/1/2025: 304 triệu VND).

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Trong quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các quyền sử dụng đất với giá trị là 735.380 triệu VND được Tập đoàn ghi nhận theo giá tạm tính tăng thêm vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Biên bản Quyết toán cổ phần hóa của do Ban Quyết toán cổ phần hóa gồm các đại diện từ Bộ Công thương và Bộ Tài chính thực hiện tại ngày 30 tháng 4 năm 2008, lập vào ngày 6 tháng 3 năm 2010. Tập đoàn đã ghi nhận tăng giá trị quyền sử dụng đất này vào tài khoản “Tài sản cố định vô hình”, đồng thời ghi nhận tăng tương ứng một khoản phải trả Nhà nước vào tài khoản “Phải trả ngắn hạn khác” (Thuyết minh 23(a)).

Bộ Công thương và Bộ Tài chính của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã giao cho Tổng Công ty quản lý và sử dụng các khu đất này theo kế hoạch của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày của báo cáo tài chính này, Tập đoàn đã nộp hồ sơ cho các hợp đồng thuê đất hàng năm gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại, các khu đất này đang được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Đây là quyền sử dụng đất hàng năm với những hạn chế về quyền sở hữu, và không được tự ý chuyển nhượng, cho thuê lại, thế chấp hay xây dựng.

Chi tiết của quyền sử dụng đất được ghi nhận theo giá trị tạm tính tăng thêm vào ngày 6 tháng 3 năm 2010 như sau:

STT	Địa chỉ	Diện tích m2	Giá trị định giá khi xác định giá trị doanh nghiệp VND
1	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	17.406.1	418.634.111.100
2	474 Nguyễn Chí Thanh, Phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	7.729.0	247.637.160.000
3	46 Bến Vân Đồn, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.872.5	55.241.212.500
4	18/3B Phan Huy Ích, Phường Tân Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.216.3	13.867.389.100
			735.379.872.700

Tập đoàn chưa trích khấu hao cho giá trị của các quyền sử dụng đất này do thời gian sử dụng chưa được xác định một cách đáng tin cậy tại ngày lập báo cáo tài chính. Trong năm, Tập đoàn cũng đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất chi phí thuê đất và thuê đất với số tiền là 56.945 triệu VND (2024: 44.286 triệu VND) theo thông báo nộp thuế sử dụng đất của các chi cục thuế địa phương.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Bất động sản đầu tư**

	<b>Bất động sản đầu tư cho thuê</b>		<b>Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá</b>	<b>Tổng</b>
	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	27.812.438.744	270.391.380.526	13.511.310.895	311.715.130.165
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(27.812.438.744)	-	-	(27.812.438.744)
Đánh giá lại	-	-	(2.075.673.458)	(2.075.673.458)
Số dư cuối năm	-	270.391.380.526	11.435.637.437	281.827.017.963
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	10.930.785.370	29.328.768.801	3.150.911.918	43.410.466.089
Khấu hao trong năm	-	10.748.510.004	-	10.748.510.004
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(10.930.785.370)	-	-	(10.930.785.370)
Số dư cuối năm	-	40.077.278.805	3.150.911.918	43.228.190.723
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	16.881.653.374	241.062.611.725	10.360.398.977	268.304.664.076
Số dư cuối năm	-	230.314.101.721	8.284.725.519	238.598.827.240



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư cho thuê và các bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**18. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	122.014.021.082	143.919.308.285
Tăng trong năm	176.177.938.694	115.955.573.722
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	424.297.740	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(137.440.867.160)	(77.761.265.130)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(8.171.857.819)	(43.899.175.313)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(11.560.213.516)	(16.200.420.482)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>141.443.319.021</b>	<b>122.014.021.082</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<b>31/12/2025</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2025</b> <b>VND</b>
Dự án san lấp mặt bằng tại Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi	43.296.363.636	43.296.363.636
Dự án xây dựng trung tâm thương mại và dịch vụ	19.734.714.188	14.435.516.699
Các công trình khác	78.412.241.197	64.282.140.747
<b>Tổng cộng</b>	<b>141.443.319.021</b>	<b>122.014.021.082</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<b>Thuế suất</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:			
▪ Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	20%	79.962.817.222	76.804.847.180
▪ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20%	55.508.914.721	56.149.714.585
▪ Dự phòng hàng tồn kho và công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế dài hạn	20%	24.538.049.831	23.719.463.271
▪ Lãi chưa thực hiện	20%	22.523.920.293	31.910.006.886
▪ Dự phòng phải thu khó đòi	20%	2.179.550.222	2.179.550.222
▪ Các khoản khác	20%	7.243.160.426	7.743.357.253
		191.956.412.715	198.506.939.397
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận trên:			
▪ Các điều chỉnh theo giá trị hợp lý phát sinh từ việc mua công ty con	20%	214.390.345.828	-
▪ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20%	191.794.061.254	48.073.138.905
▪ Công cụ và dụng cụ	20%	179.993.052	1.134.882.409
		406.364.400.134	49.208.021.314

204  
NH  
→ T  
PM  
ĐH

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ</b>
	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	404.695.685.526	446.313.320.167
Các nhà cung cấp khác	1.998.922.164.535	2.195.934.796.993
	2.403.617.850.061	2.642.248.117.160

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ</b>
	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i><b>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</b></i>		
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	404.695.685.526	446.313.320.167
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	88.913.887.648	69.127.226.472
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	39.183.925.173	38.664.745.341
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	34.418.916.310	28.388.391.022
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	21.355.844.071	32.278.282.663
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	21.348.361.023	17.212.153.615
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	18.462.261.307	25.647.116.018
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	17.287.039.981	7.998.013.482
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	9.374.608.512	9.374.608.512
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	5.626.877.760	6.500.098.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	2.462.365.590	12.857.859.012
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	-	8.136.190.818
<i><b>Các bên liên quan khác</b></i>		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam	193.523.096.220	214.356.613.256
Sustainability Expo Co., Ltd	913.277.100	-
Dhospaak Co., Ltd	141.278.855	-
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	92.914.834	22.110.596
Bangkok Art Biennale Management Co., Ltd	-	767.640.000

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước**

**(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2025 VND	Tăng từ hợp nhất kinh doanh VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cán trừ VND	Phân loại lại sang/(từ) thuế phải thu VND	31/12/2025 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	829.412.856.020	263.473.125.082	11.325.712.168.322	(11.325.613.625.714)	-	-	1.092.984.523.710
Thuế giá trị gia tăng	133.304.292.734	22.368.658.891	14.815.563.841.216	(2.117.929.664.752)	(12.671.872.308.824)	(146.392.491)	181.288.426.774
Thuế thu nhập doanh nghiệp	338.153.608.229	1.910.160.651	1.057.138.336.597	(1.068.123.691.603)	(1.075.108.925)	3.335.570.618	331.338.875.567
Thuế thu nhập cá nhân	9.689.654.892	913.619.541	119.043.281.159	(119.805.962.881)	(1.136.340.874)	38.184.850	8.742.436.687
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	1.084.186.265	(1.084.186.265)	-	-	-
Các loại thuế khác	10.301.074.111	112.878.965.478	173.008.786.604	(284.134.539.704)	(1.793.531.990)	1.370.922.407	11.631.676.906
	1.320.861.485.986	401.544.529.643	27.491.550.600.163	(14.916.691.670.919)	(12.675.877.290.613)	4.598.285.384	1.625.985.939.644



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Thuế phải thu Nhà nước**

	1/1/2025 VND	Tăng từ hợp nhất kinh doanh VND	Cấn trừ VND	Phân loại lại từ/(sang) thuế phải nộp VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	146.392.491	-	-	(146.392.491)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.847.453.626	1.006.554.846	(1.075.108.925)	3.335.570.618	5.114.470.165
Thuế thu nhập cá nhân	1.721.308.176	-	(1.136.340.874)	38.184.850	623.152.152
Thuế xuất nhập khẩu	2.082.000	-	-	-	2.082.000
Các loại thuế khác	4.485.814.040	-	(1.793.531.990)	1.370.922.407	4.063.204.457
	8.203.050.333	1.006.554.846	(4.004.981.789)	4.598.285.384	9.802.908.774

**22. Chi phí phải trả**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	456.936.914.682	404.286.484.543
Chi phí lãi vay	12.855.839.329	12.775.862.138
Chi phí phải trả khác	110.479.011.022	98.795.122.796
	580.271.765.033	515.857.469.477

**23. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Cổ tức phải trả	2.611.687.360.408	2.607.902.085.746
Phải trả Nhà nước cho phân đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (*)	735.379.872.700	735.379.872.700
Nhận ký quỹ ngắn hạn	141.512.507.395	105.221.809.536
Phải trả ngắn hạn khác	66.824.189.588	61.190.236.140
	3.555.403.930.091	3.509.694.004.122

(\*) Phải trả Nhà nước cho phân đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được ghi nhận theo Biên bản Quyết toán cổ phần hóa, do Ban Quyết toán cổ phần hóa, gồm các đại diện của Bộ Công thương và Bộ Tài chính, lập ngày 6 tháng 3 năm 2010 (Thuyết minh 16).

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan**

	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty mẹ cấp trung gian</b>		
Thai Beverage Public Company Limited	640.794.398	1.038.781.316
BeerCo Limited	7.774.489.718	9.030.113.282
<b>Công ty mẹ</b>		
Công ty TNHH Vietnam Beverage	1.374.570.348.000	1.374.570.348.000
<b>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</b>		
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư - Thiết kế và		
Chuyên giao Công nghệ Thành Nam	340.000.000	340.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	287.052.879	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	6.284.198	6.284.198
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh	40.000	40.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Chang International Co., Ltd	1.683.187.327	1.583.961.112
Thipchalothorn Co., Ltd	-	34.186.050
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam	-	31.669.044

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước (Thuyết minh 13(b))	51.602.316.000	51.602.316.000
Nhận ký quỹ dài hạn	25.559.142.669	5.511.044.289
	<b>77.161.458.669</b>	<b>57.113.360.289</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**24. Vay và nợ thuê tài chính**

**(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng từ hợp nhất kinh doanh VND	Biến động trong năm		31/12/2025 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
			Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	244.000.000.000	297.157.402.011	2.791.552.690.044	(3.066.634.329.851)	266.075.762.204
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh (24(b)))	1.383.983.749	-	18.399.305.473	(18.274.746.933)	1.508.542.289
	245.383.983.749	297.157.402.011	2.809.951.995.517	(3.084.909.076.784)	267.584.304.493

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Các khoản vay ngân hàng không đảm bảo	Loại tiền tệ	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	VND	172.575.762.204	55.000.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	VND	93.500.000.000	120.000.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	VND	-	69.000.000.000
		266.075.762.204	244.000.000.000

Các khoản vay ngắn hạn chịu lãi suất từ 4,80% đến 5,80% một năm (1/1/2025: từ 3,00% đến 3,60% một năm).

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Nợ thuê tài chính**

	<b>31/12/2025</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2025</b> <b>VND</b>
Nợ thuê tài chính dài hạn	169.444.430.406	170.828.414.155
Khoản đến hạn phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 24 (a))	(1.508.542.289)	(1.383.983.749)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	167.935.888.117	169.444.430.406
	<hr/>	<hr/>

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2025</b>			<b>1/1/2025</b>		
	<b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND</b>	<b>Tiền lãi thuê VND</b>	<b>Nợ gốc VND</b>	<b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND</b>	<b>Tiền lãi thuê VND</b>	<b>Nợ gốc VND</b>
Trong vòng một năm	16.101.530.821	14.592.988.532	1.508.542.289	16.101.530.819	14.717.547.070	1.383.983.749
Trong vòng hai đến năm năm	64.406.123.280	56.936.920.621	7.469.202.659	64.406.123.280	57.553.643.777	6.852.479.503
Sau năm năm	370.335.208.860	209.868.523.402	160.466.685.458	386.436.739.680	223.844.788.777	162.591.950.903
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	450.842.862.961	281.398.432.555	169.444.430.406	466.944.393.779	296.115.979.624	170.828.414.155
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## 25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty và các công ty con. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	199.419.484.414	194.370.495.724
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	2.378.213.675	-
Trích lập trong năm (Thuyết minh 27)	150.126.670.462	125.583.999.993
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 27)	13.003.050.066	(4.711.433.451)
Sử dụng trong năm	(133.609.015.843)	(115.823.577.852)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	231.318.402.774	199.419.484.414

## 26. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	69.306.838.170	69.412.250.830
Dự phòng trích lập trong năm	3.185.335.510	8.758.331.577
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(909.430.303)	(236.175.579)
Dự phòng sử dụng trong năm	(5.887.072.326)	(8.627.568.658)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	65.695.671.051	69.306.838.170

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của chủ sở hữu Tổng Công ty VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024</b>	12.825.623.720.000	3.208.666.226	43.954.201.299	1.122.241.373.127	10.217.284.050.181	24.212.312.010.833	1.272.845.884.034	25.485.157.894.867
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	4.330.113.031.371	4.330.113.031.371	164.660.395.541	4.494.773.426.912
Cổ tức (Thuyết minh 30)	-	-	-	-	(5.130.249.488.000)	(5.130.249.488.000)	(159.285.980.659)	(5.289.535.468.659)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(109.732.047.438)	(109.732.047.438)	(15.851.952.555)	(125.583.999.993)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(23.885.369.694)	(23.885.369.694)	(745.109.336)	(24.630.479.030)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	2.932.077.906	2.932.077.906	1.779.355.545	4.711.433.451
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(240.157.577)	(240.157.577)	(56.214.071)	(296.371.648)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ	-	-	9.822.165.127	-	-	9.822.165.127	-	9.822.165.127
Thay đổi tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 6)	-	-	-	59.468.487.946	(68.420.775.303)	(8.952.287.357)	(108.373.130.998)	(117.325.418.355)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	12.825.623.720.000	3.208.666.226	53.776.366.426	1.181.709.861.073	9.217.801.321.446	23.282.119.935.171	1.154.973.247.501	24.437.093.182.672

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của chủ sở hữu Tổng Công ty VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025</b>	12.825.623.720.000	3.208.666.226	53.776.366.426	1.181.709.861.073	9.217.801.321.446	23.282.119.935.171	1.154.973.247.501	24.437.093.182.672
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	4.423.539.822.535	4.423.539.822.535	149.585.254.523	4.573.125.077.058
Cổ tức (Thuyết minh 30)	-	-	-	-	(6.412.811.860.000)	(6.412.811.860.000)	(103.641.510.778)	(6.516.453.370.778)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(131.028.135.557)	(131.028.135.557)	(19.098.534.905)	(150.126.670.462)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(23.386.771.423)	(23.386.771.423)	(758.689.458)	(24.145.460.881)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(12.808.372.253)	(12.808.372.253)	(194.677.813)	(13.003.050.066)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(2.419.787)	(2.419.787)	(68.237.151)	(70.656.938)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ	-	-	36.086.680.437	-	-	36.086.680.437	-	36.086.680.437
Thay đổi tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 6)	-	-	-	3.315.237.683	(5.058.889.745)	(1.743.652.062)	(13.948.171.958)	(15.691.824.020)
Thay đổi do mua lại công ty con	-	200.118.312	-	1.719.195.187	(9.100.550.415)	(7.181.236.916)	680.182.406.448	673.001.169.532
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	12.825.623.720.000	3.408.784.538	89.863.046.863	1.186.744.293.943	7.047.144.144.801	21.152.783.990.145	1.847.031.086.409	22.999.815.076.554



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

### 30. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty vào ngày 24 tháng 4 năm 2025 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước là 3.847.687 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) (2024: 2.565.125 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước).

Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty ngày 11 tháng 11 năm 2025 đã thông qua việc tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước là 2.565.125 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) (2024: 2.565.125 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước).

### 31. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

#### (a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	251.272.853.897	136.065.200.102
Từ hai đến năm năm	568.299.902.286	247.619.573.959
Sau năm năm	638.791.171.772	499.977.886.856
	1.458.363.927.955	883.662.660.917

#### (b) Tài sản, nguyên vật liệu và hàng hóa nhận giữ hộ các bên thứ ba

	Đơn vị	31/12/2025	1/1/2025
Bia	thùng/két	3.569.589	3.887.029
Két nhựa	cái	46.635	39.368
Nước giải khát	thùng/két	-	28.511

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	327.288	8.536.475.232	355.211	8.966.469.460
EUR	2.059	62.321.217	2.636	68.742.367
AUD	3.139	54.216.349	828	12.967.082
		8.653.012.798		9.048.178.909

**(d) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	78.774.266.487	69.001.220.881

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

### 32. Doanh thu

Tổng doanh thu chủ yếu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán bia	24.383.476.642.901	28.082.589.321.456
▪ Doanh thu bán nguyên vật liệu	1.467.425.994.432	3.714.838.670.490
▪ Doanh thu bán nước giải khát	137.473.305.061	162.850.947.207
▪ Doanh thu bán cồn và rượu	53.807.098.568	42.156.534.202
▪ Doanh thu khác	206.823.848.298	161.824.780.719
	26.249.006.889.260	32.164.260.254.074
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	360.772.146.154	291.754.899.775
▪ Hàng bán bị trả lại	42.514.985	87.867.643
	360.814.661.139	291.842.767.418
Doanh thu thuần	25.888.192.228.121	31.872.417.486.656

### 33. Giá vốn hàng bán

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn bia đã bán	14.929.466.204.457	18.673.205.077.571
Giá vốn nguyên vật liệu đã bán	1.458.845.860.812	3.700.008.042.753
Giá vốn nước giải khát đã bán	105.855.196.660	117.183.151.337
Giá vốn cồn và rượu đã bán	44.008.948.083	37.526.992.764
Giá vốn khác	49.455.193.317	26.297.653.965
	16.587.631.403.329	22.554.220.918.390

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng	995.208.885.776	1.044.633.245.132
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.903.027.034	18.887.681.059
Thu nhập từ cổ tức và phân phối lợi nhuận	2.529.369.100	3.553.644.800
Doanh thu khác	6.193.218	3.600.500
	<hr/>	<hr/>
	1.006.647.475.128	1.067.078.171.491
	<hr/>	<hr/>

**35. Chi phí tài chính**

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	34.346.202.652	27.449.548.631
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.941.996.325	11.572.494.847
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(18.688.997.322)	(14.234.080.464)
Lỗ từ việc đánh giá lại theo giá trị hợp lý (Thuyết minh 5)	6.657.708.829	-
	<hr/>	<hr/>
	26.256.910.484	24.787.963.014
	<hr/>	<hr/>

**36. Chi phí bán hàng**

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	2.335.890.780.861	2.509.114.010.838
Chi phí nhân viên	909.968.753.323	860.492.804.481
Chi phí vận chuyển	242.994.127.161	139.247.221.488
Chi phí thuê	106.499.751.253	114.007.969.588
Chi phí bao bì luân chuyển	64.729.478.754	58.637.724.271
Chi phí khấu hao và phân bổ	43.999.508.123	39.625.390.197
Chi phí bán hàng khác	318.287.068.661	320.431.386.974
	<hr/>	<hr/>
	4.022.369.468.136	4.041.556.507.837
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	525.394.475.491	457.960.686.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	176.534.557.617	147.318.004.698
Chi phí thuê	105.967.294.558	75.762.090.573
Chi phí khấu hao và phân bổ	41.037.366.265	25.161.205.951
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	134.625.598.924	133.211.849.660
	983.559.292.855	839.413.837.596

**38. Thu nhập khác**

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi từ giao dịch mua rẻ phát sinh từ việc mua lại Sabibeco (Thuyết minh 5)	136.951.010.278	-
Thu nhập khác	15.652.347.750	28.313.181.138
	152.603.358.028	28.313.181.138

**39. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	9.392.816.124.244	7.849.174.906.031
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.826.738.803.498	3.878.645.958.871
Chi phí nhân công và nhân viên	1.952.113.865.896	1.717.796.120.922
Chi phí khấu hao và phân bổ	730.272.467.434	548.883.626.755
Chi phí khác	783.554.386.906	675.003.471.040

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**40. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	1.056.601.006.680	1.139.463.131.404
Dự phòng thiếu trong những năm trước	537.329.917	6.794.004.006
	<hr/>	<hr/>
	1.057.138.336.597	1.146.257.135.410
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	21.702.374.772	6.328.065.844
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	1.078.840.711.369	1.152.585.201.254
	<hr/>	<hr/>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.651.965.788.427	5.647.358.628.166
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	1.130.393.157.686	1.129.471.725.633
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng đối với các công ty con	(8.247.657.188)	(7.119.157.990)
Ưu đãi thuế	(3.294.856.878)	(3.006.126.527)
Thu nhập được miễn thuế	(56.158.631.540)	(40.199.680.291)
Chi phí không được khấu trừ thuế	33.989.433.852	60.771.726.858
Lỗ tính thuế được sử dụng	(30.875.523.511)	-
Thay đổi trong thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	12.946.157.931	7.832.652.856
Dự phòng thiếu trong những năm trước	537.329.917	6.794.004.006
Các khoản khác	(448.698.900)	(1.959.943.291)
	<hr/>	<hr/>
	1.078.840.711.369	1.152.585.201.254
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế, ngoại trừ Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng.

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 59221000029 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 3 tháng 4 năm 2012, Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% lợi nhuận chịu thuế trong 15 năm đầu kể từ năm hoạt động đầu tiên (2014) và áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập thông thường trong các năm tiếp theo. Đồng thời, công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026).

**41. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	4.423.539.822.535	4.330.113.031.371
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(131.028.135.557)	(109.732.047.438)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(12.808.372.253)
<b>Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông</b>	<b>4.292.511.686.978</b>	<b>4.207.572.611.680</b>

Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được ước tính dựa theo số kế hoạch được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh lại dựa theo số thực trích được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trong hai năm được trình bày là 1.282.562.372 cổ phiếu.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b> <b>(Điều chỉnh lại)</b> <b>(*)</b>	<b>2024</b> <b>VND</b> <b>(Theo báo cáo</b> <b>trước đây)</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.347	3.281	3.291

(\*) Việc điều chỉnh lại phản ánh ảnh hưởng của việc điều chỉnh số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi như đề cập ở trên.

**42. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
<b>Các công ty mẹ cấp trung gian</b>		
<b>Thai Beverage Public Company Limited</b>		
Chi hộ cho Tập đoàn	-	257.060.584
<b>BeerCo Limited</b>		
Chi hộ cho Tập đoàn	21.216.738.152	19.318.898.028
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Công ty TNHH Vietnam Beverage</b>		
Cổ tức công bố	3.436.425.870.000	2.749.140.696.000
Bán hàng hóa	633.200	2.643.800
<b>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</b>		
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre</b>		
Bán nguyên vật liệu	371.116.351.535	391.491.843.422
Bán thành phẩm	-	168.495.000
Doanh thu khác	1.150.878.958	486.180.000
Mua hàng hóa	960.970.555.360	1.010.309.483.610
Mua vật liệu bao bì	4.242.625.774	5.440.861.922
Chi phí thuê kho	1.648.933.120	1.072.126.264
Giao dịch khác	53.998.484	121.185.180



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa</b>		
Bán nguyên vật liệu	256.834.395.484	314.544.631.640
Mua hàng hóa	638.271.274.650	778.843.862.900
Mua nguyên vật liệu	98.811.060	2.175.000
Chi phí thuê kho	1.265.094.391	-
Giao dịch khác	513.607.740	117.259.065
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung</b>		
Bán nguyên vật liệu	227.174.498.392	400.054.343.224
Bán thành phẩm	-	73.118.058
Doanh thu khác	8.789.537.968	8.843.090.870
Mua hàng hóa	739.925.353.710	1.026.111.425.170
Mua nguyên vật liệu	10.121.292.089	23.217.413.655
Mua dịch vụ	-	200.000
Chi phí thuê kho	591.346.311	1.202.470.482
Thu nhập từ cổ tức	38.559.356.000	48.535.035.000
Giao dịch khác	159.419.021	-
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long</b>		
Bán nguyên vật liệu	213.368.799.947	380.582.640.117
Bán thành phẩm	-	188.706.500
Doanh thu khác	2.654.651.556	524.940.000
Mua hàng hóa	590.180.080.260	994.536.815.360
Chi phí thuê kho	80.852.943	23.064.000
Thu nhập từ cổ tức	1.500.000.000	1.500.000.000
Giao dịch khác	89.891.939	132.391.983
<b>Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô</b>		
Bán nguyên vật liệu	192.278.606.439	241.704.198.555
Bán hàng hóa	164.595.820	430.340.070
Doanh thu khác	4.672.284.803	537.296.603
Mua hàng hóa	486.395.202.400	620.995.469.030
Mua vật liệu bao bì	855.960.000	-
Chi phí thuê kho	642.324.026	1.012.985.625
Thu nhập từ cổ tức	-	1.105.000.000
Giao dịch khác	185.207.389	77.685.348
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ</b>		
Bán nguyên vật liệu	161.192.665.996	212.505.198.808
Doanh thu khác	1.291.089.784	-
Mua hàng hóa	468.316.943.360	542.111.649.150
Mua vật liệu bao bì	93.604.580	38.118.000
Chi phí thuê kho	778.426.095	-
Thu nhập từ cổ tức	4.231.800.000	4.231.800.000
Giao dịch khác	49.815.172	61.723.350

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu</b>		
Bán nguyên vật liệu	38.736.213.853	56.053.841.204
Bán thành phẩm	-	79.420.800
Doanh thu khác	417.621.799	1.973.280.711
Mua hàng hóa	223.469.449.270	267.880.398.900
Mua vật liệu bao bì	407.900.000	-
Chi phí thuê kho	1.072.154.013	1.690.896.957
Thu nhập từ cổ tức	1.201.200.000	1.201.200.000
Giao dịch khác	1.371.931.181	-
<b>Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh</b>		
Bán thành phẩm	28.241.838	34.227.371
Mua dịch vụ	9.208.533.377	5.844.832.828
Lợi nhuận được chia	45.569.436.899	44.242.171.746
<b>Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam</b>		
Doanh thu khác	4.187.465.794	-
Mua vật liệu bao bì	31.790.951.308	18.412.906.636
Giao dịch khác	-	34.840.000
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang</b>		
Bán nguyên vật liệu	-	242.421.004.559
Mua hàng hóa	-	681.604.960.930
Mua nguyên vật liệu	-	1.913.695.691
Chi phí thuê kho	-	269.178.446
Giao dịch khác	-	132.447.525
<b>Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ</b>		
Bán thành phẩm	-	72.219.600
Mua vật liệu bao bì	51.898.223.000	59.687.956.240
Lợi nhuận được chia	-	8.789.550.000
<b>Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn</b>		
Mua vật liệu bao bì	1.971.997.499.307	1.929.199.671.882
Lợi nhuận được chia	312.862.329.060	-
Giao dịch khác	5.604.163.436	2.153.559.467
<b>Công ty Cổ Phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn</b>		
Mua vật liệu bao bì	505.865.260.839	342.079.399.533
Chi phí thuê kho	420.000.000	420.000.000
Giao dịch khác	32.455.001	-

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Các bên liên quan khác</i>		
<b>Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)</b>		
Bán thành phẩm	574.024.071.369	311.813.515.625
Mua hàng hóa	5.031.699.717	4.556.452.054
Chi hộ cho Tập đoàn	-	41.785.806
Giao dịch khác	14.497.517.136	12.017.714.696
<b>S.A.S. CTAMAD Co., Ltd</b>		
Bán thành phẩm	298.168.280	430.423.950
Chi hộ cho Tập đoàn	102.717.720	83.079.198
Giao dịch khác	83.505.450	6.546.750
<b>Thipchalothorn Co., Ltd</b>		
Bán thành phẩm	163.752.750	276.592.726
Giao dịch khác	18.751.014	221.039.904
<b>Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam</b>		
Bán thành phẩm	95.966.800	136.231.428
Doanh thu khác	-	1.455.646.229
Mua vật liệu bao bì	1.675.222.168.387	1.645.191.230.300
Giao dịch khác	455.394.131	1.412.994.529
<b>Công ty TNHH Việt Nam Logistics and Supply Chain</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.963.045.090	-
<b>Dhospaak Co., Ltd</b>		
Mua dịch vụ	945.209.319	-
<b>Sustainability Expo Co., Ltd</b>		
Mua dịch vụ	852.897.000	-
Giao dịch khác	961.344.316	-
<b>Bangkok Art Biennale Management Co., Ltd</b>		
Mua dịch vụ	-	808.042.105
<b>ASM Management Co., Ltd</b>		
Mua dịch vụ	-	34.900.875
<b>F&amp;N Global Marketing Pte. Ltd</b>		
Thu nhập từ hỗ trợ bán hàng	-	223.085.965
<b>Chang International Co., Ltd</b>		
Chi hộ cho Tập đoàn	1.226.751.751	853.160.460
Giao dịch khác	23.907.160	-

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Lương, thưởng và thù lao</i>		
Ông Koh Poh Tiong – Chủ tịch	-	-
Ông Pramoad Phornprapha – Thành viên	844.000.000	676.000.000
Ông Nguyễn Tiến Vỹ – Thành viên	1.156.000.000	988.000.000
Ông Michael Chye Hin Fah – Thành viên	422.000.000	910.000.000
Bà Trần Kim Nga – Thành viên	1.078.000.000	910.000.000
Ông Lê Thanh Tuấn – Thành viên	1.294.000.000	910.000.000
Bà Ngô Minh Châu – Thành viên	1.078.000.000	910.000.000
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		
Lương và thưởng	29.945.996.043	32.377.865.340
<b>Ủy ban Kiểm toán</b>		
Thù lao	822.000.000	1.014.000.000

**43. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	2025 VND	2024 VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	57.734.038.351	50.074.326.001

**44. Sự kiện sau niên độ**

Vào ngày 27 tháng 2 năm 2026, các cổ đông của Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương (“Chương Dương”), một công ty con, đã phê duyệt kế hoạch chuyển nhượng Dự án Đầu tư Nhà máy Nước Giải Khát Nhơn Trạch 3 và các tài sản liên quan của dự án, đây cũng là toàn bộ mảng kinh doanh sản phẩm nước giải khát của công ty con này, cho một bên nhận chuyển nhượng phù hợp. Tại ngày của báo cáo này, Ban Giám đốc của Chương Dương đang trong quá trình xem xét và đánh giá các đề xuất từ các bên quan tâm.



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**45. Thông tin so sánh**

Ngoại trừ lỗi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh lại như được trình bày ở Thuyết minh 41, các thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ dữ liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Hoàng Thanh Vân  
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyên Trung  
Kế toán trưởng



Koo Liang Kwec  
Phó Tổng Giám đốc



Tan Teck Chuan Lester  
Tổng Giám đốc

